TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2019.
V/v: " Yêu cầu ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.
Các hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.
Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: không tham gia phiên toà.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 10/2019/TLST – HNGĐ ngày: 04/01/2019, về việc: " Yêu cầu ly hôn ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày: 01/4/2019, quyết định hoãn phiên toà số: 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày: 18/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị T, sinh năm: 1981 – (Có mặt).
HKTT: tổ 3, ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chỗ ở hiện nay: ấp GC, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: Phạm Thế V, Sn: 1978 – (Có đơn xin hoà giải và xét xử vắng mặt).
HKTT: tổ 3, ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2019, bản khai ngày 21/01/2019, biên bản về việc không tiến hành hoà giải được 29/3/2019 tại Tòa án và tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: chị T kết hôn với anh V năm 2001 có đăng ký kết hôn tại UBND xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có tổ chức lễ cưới, trước lúc kết hôn có tìm hiểu nhau, gia đình hai bên đều biết và đồng ý. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vẫn tự dàn xếp được với nhau, đến năm 2017 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng không dàn xếp được nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xô xát lẫn nhau. Mặt khác, anh V hay ghen tuông vô cớ mặc dù chị T đã giải thích nhiều lần nhưng anh V không tin. Vì vậy, từ đầu năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: có 02 con chung là: Phạm Thành H, sinh ngày: 08/7/2002 và Phạm Thanh H, sinh ngày: 17/7/2005. Hiện nay đang sống cùng với anh V, nếu ly hôn chị T đồng ý để anh V tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh V tự thoả thuận giải quyết với nhau, chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị T vẫn giữ nguyên ý kiến: yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: có 02 con chung là: Phạm Thành H, sinh ngày: 08/7/2002 và Phạm Thanh H, sinh ngày: 17/7/2005. Hiện nay đang sống cùng với anh V, nếu ly hôn chị T đồng ý để anh V tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo đơn xin vắng mặt đề ngày 21/02/2019, bị đơn anh Phạm Tế V trình bày: anh V đồng ý ly hôn với chị T. Anh V yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000Đ (Một triệu)/tháng.

Về tài sản chung: Anh V và chị T tự thoả thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện XM 150.000.000Đ (Một trăm năm mươi triệu), yêu cầu chia đôi nợ chung để cả hai cùng có trách nhiệm trả.

NHẬN XÉT CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị T ly hôn với anh Phạm Thế V. Đây là tranh chấp về ly hôn, theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đại diện Viện kiểm sát có thông báo không tham gia phiên toà (Bút lục số: 31), anh V có đơn xin hoà giải và xét xử vắng mặt hợp lệ (Bút lục số: 27,30) nên áp dụng Điều 21, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát và anh V.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị T và anh V là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, gia đình hai bên đều đồng ý, trước lúc kết hôn có tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 08) nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xô xát lẫn nhau. Mặt khác, anh V hay ghen tuông vô cớ mặc dù chị T đã giải thích nhiều lần nhưng anh V không tin. Vì vậy, từ đầu năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế. Việc chị T ly hôn anh V cũng đồng ý ly hôn (Bút lục số: 27). Điều đó chứng tỏ giữa chị T và anh V không còn yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai bên đều không còn muốn duy trì cuộc sống hôn nhân với nhau nữa. Do đó, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Về hôn nhân chị T được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: có 02 con chung là: Phạm Thành H, sinh ngày: 08/7/2002 và Phạm Thanh H, sinh ngày: 17/7/2005. Hiện nay đang sống cùng với anh V, nếu ly hôn chị T đồng ý để anh V tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị T không cấp dưỡng nuôi con. Anh V cũng đồng ý nuôi dưỡng cả hai con chung, nhưng yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000Đ (Một triệu)/tháng.

Xét thấy: Mặc dù anh V không đến Toà án làm việc, không đưa cháu H và cháu Hiệu đến Toà án để hỏi ý kiến của hai cháu xem muốn sống cùng với ai khi chị T và anh

V ly hôn nhau. Tuy nhiên, chị T cũng đồng ý để anh V nuôi dưỡng cả hai con chung, anh V cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung (Bút lục số: 16,27,28). Mặt khác, từ khi ly thân đến nay các cháu sống cùng với anh V nếu giao hai cháu cho chị T nuôi dưỡng sẽ làm xáo trộn nếp sống, sinh hoạt bình thường của các cháu, vì vậy, để anh V tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp. Do đó, giao cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu Hiệu.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, còn anh V yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000Đ (Một triệu). Anh V không đến Toà án làm việc, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ về mức phí tổn nuôi con mỗi tháng là bao nhiêu. Vì vậy, không có căn cứ để ấn định mức cấp dưỡng nuôi con của chị T mỗi tháng là bao nhiêu. Do đó, HĐXX không xem xét, nếu sau này các bên tranh chấp về vấn đề thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định.

[4] Về tài sản chung: do cả chị T và anh V đều chưa yêu cầu Toà án giải quyết (Bút lục số: 16,27,28), nên HĐXX không xem xét, nếu sau này các bên tranh chấp về vấn đề thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định.

[5] Về nợ chung: anh V yêu cầu chia số nợ 150.000.000Đ (Một trăm năm mươi triệu) của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện XM để cả hai cùng có trách nhiệm trả (Bút lục số: 27). Nhưng anh V không trình bày rõ mỗi người trả bao nhiêu, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho số nợ này nên không có căn cứ để HĐXX xem xét, giải quyết. Mặt khác, chị T chưa yêu cầu Toà án giải quyết (Bút lục số: 16,28). Do đó, HĐXX không xem xét, nếu sau này các bên tranh chấp về vấn đề thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định.

[6] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị T phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 21, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 56, 59, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T đối với anh Phạm Tế V.

[1] Về hôn nhân: chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phạm Tế V.

[2] Về con chung: có 02 con chung là: Phạm Thành H, sinh ngày: 08/7/2002 và Phạm Thanh H, sinh ngày: 17/7/2005. Hiện nay đang sống cùng với anh V. Anh V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu Hiệu.

Chị T được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc chị T và anh V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh V tự thoả thuận giải quyết với nhau, chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị T chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: chị T phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị T đã nộp theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0006539 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Chị T đã nộp đủ án phí.

[6] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận.
- *TAND tỉnh BR – VT.*
- *VKSND huyện XM.*
- *Chi cục THADS huyện XM.*
- *UBND xã XM.*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Lưu.*

Hoàng Ngọc Tuấn